TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số **43**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2025.
V/v: Xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ toạ phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Minh.

2. Bà Hoàng Thị Hội.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Hà Thị Nga, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Hà, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 47/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXX-ST ngày 08 tháng 01 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đinh Thị H, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Bản Chiềng C, xã H, huyện M, tỉnh S (nay là xã C, thị xã M, tỉnh S), có mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Tiến D, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Bản Chiềng C, xã H, huyện M, tỉnh S (nay là xã C, thị xã M, tỉnh S), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 10/12/2024, bản tự khai tại Toà án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị H trình bày:

Chị H và anh D kết hôn với nhau vào ngày 02/4/2012. Khi kết hôn đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn chị H và anh D về sống chung cùng với mẹ anh D tại bản Chiềng Cang, xã Hua Păng, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng tH xuyên phát sinh mâu thuẫn, xô xát, cãi vã. Chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị H xin được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Quá trình sinh sống chị và anh D có với nhau 02 con chung là cháu Lò Tuấn K, sinh ngày 26/7/2011 và cháu Lò Huyền T, sinh ngày 10/5/2013.

Nguyện vọng của chị H sau khi ly hôn, chị xin nuôi cả 02 cháu, không yêu cầu anh D phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về vay nợ chung: Không vay nợ ai.

Về án phí: Chị Đinh Thị H xin chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Đề nghị:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị H. Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Lò Tiến D.

2. Về con chung: Giao cho chị Đinh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Lò Tuấn K, sinh ngày 26/7/2011 và cháu Lò Huyền T, sinh ngày 10/5/2013, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lò Tiến D do chị H chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5.Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lò Tiến D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn chị H đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập các tài liệu chứng cứ liên quan để giải quyết vụ án.

Xác minh với chính quyền địa phương được biết.

Đối với thông báo về việc thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các văn bản tố tụng của Tòa án chính quyền địa phương đã giao trực tiếp cho anh D, anh D đã nhận.

Xác minh với gia đình anh D được biết.

Sau khi anh D và chị H kết hôn với nhau, chị H về ở cùng với mẹ đẻ anh D, cuộc sống của anh D và chị H hạnh phúc đến năm 2017 thì tH xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã xô xát nhau, hiện nay hai anh chị không ở cùng nhau nữa, sống ly thân với nhau từ năm 2017.

Về tài sản chung: Không có.

Vay nợ chung: Đến thời điểm hiện tại, không thấy ai đến đòi nợ chị Thu và anh D.

Như vậy có đủ căn cứ khẳng định anh Lò Tiến D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng cố tình không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tổ tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D kết hôn với nhau từ ngày 02/4/2012, có được tìm hiểu việc kết hôn là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Việc kết hôn của hai anh chị đã tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, do đó được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách, quan điểm sống không hợp nhau, hiện nay chị H và anh D không còn ở cùng với nhau nữa, hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2017. Không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Mặc dù anh D cố ý né tránh không chịu hợp tác làm việc cùng Tòa án để giải quyết việc xin ly hôn của chị H, nhưng qua quá trình làm việc và xác minh xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị H và anh D đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Đinh Thị H và xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Lò Tiến D.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh D có với nhau 02 con chung là cháu Lò Tuấn K, sinh ngày 26/7/2011, cháu Lò Huyền T, sinh ngày 10/5/2013, từ khi hai anh chị sống ly thân, hai cháu vẫn ở với chị H, do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc, do đó sau khi ly hôn cần giao hai cháu Lò Tuấn K và cháu Lò Huyền T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con chung cho anh Lò Tiến D do chị H chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

[4] Về tài sản chung: Không có nên không giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Vì Thị H phải chịu án phí DS/ST theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Đinh Thị H được ly hôn với anh Lò Tiến D.

2. Về con chung:

Giao cho chị Đinh Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Tuấn K, sinh ngày 26/7/2011 và cháu Lò Huyền T, sinh ngày 10/5/2013, đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lò Tiến D do chị H chưa có yêu cầu.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Đinh Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0002851 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La).

4. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- V KS nhân dân thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- UBND xã Chiềng Chung, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(|Đã ký)

Đỗ Như Khánh